TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/DS-ST
Ngày: 16/05/2024
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Mưa Lớn

2. Ông Kiều Công Trường

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Phương Trang– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc: Ông Lê Văn Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 10/2024/TLST-DS, ngày 16/01/2024 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2024/QĐXXST-DS ngày 03/5/2024. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Văn H, sinh năm 1959; Địa chỉ ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn V, sinh năm 1981; Địa chỉ ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Tất cả có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Bùi Văn H trình bày:

Ông H yêu cầu anh Phạm Văn V trả lại cho ông số tiền 8.500.000 đồng là tiền cọc mua bán bò, không yêu cầu tính lãi. Ông không nhớ rõ ngày thỏa thuận

mua bán bò, ông chỉ nhớ khoảng tháng 3/2019 âm lịch anh V và ông có thỏa thuận việc mua bán bò này. Khi thỏa thuận mua bán bò, không có làm giấy tờ gì, chỉ nói miệng thỏa thuận anh V bán con bò giá 18.500.000 đồng, ông nói đưa số lẻ nhưng anh V không chịu nên ông đặt cọc cho anh V 8.500.000 đồng. Ông và anh V thỏa thuận 05 ngày sau ông bắt bò và trả hết số tiền còn lại là 10.000.000 đồng. Mục đích ông mua bò để nuôi. Lúc thỏa thuận mua bán bò ông thấy con bò có biểu hiện bệnh thấy buồn buồn, nên hỏi anh V thì thì anh V nói bò không có bị bệnh và còn lấy cỏ cho bò ăn nên ông mới mua. Sau khi thỏa thuận xong, ông đưa cho anh V 8.500.000 đồng. Lúc thỏa thuận mua bán thì con bò anh V kêu bán nặng khoảng 200 đến 300 kg hơi trở lại. Đến 03 ngày sau vào buổi chiều thì ông đến thăm bò vì sợ anh V bỏ đói bò. Khi đến thăm thì thấy bò chãy nước mũi, thở nhiều, nên ông chạy kêu ông C thú y chích thuốc, khi đến ông gặp ông T là chú của anh V, ông chú của anh V không cho chích nói chích thuốc con bò hôi không bán được, ông C nói chích thuốc để giải nhiệt không làm bò hôi. Ông C còn dặn ông sáng hôm sau vào thăm bò nếu còn sống thì kêu ông C chích tiếp nhưng hôm sau sáng khoảng 5, 6 giờ sáng ông có vô thăm bò thì thấy bò chết, ông có chạy xin số điện thoại và điện cho anh Vũ nói bò chết, anh V không nói gì. Sau đó thì ông không liên hệ gì với anh V nữa. Khi thỏa thuận mua bán bò không có ai biết, khi đưa tiền cho anh V có mặt em hay cháu của anh V, ông không rõ người đó tên gì. Ông không biết anh V làm gì với con bò. Khoảng một tháng sau ông có điện thoại đòi anh V trả tiền lại cho ông thì anh V nói từ từ nhưng sau đó anh V vẫn không trả và xách dao đòi chém ông. Con bò mà ông mua của anh V để ở nhà của chú và bà nội anh V ở ấp G, xã H nhưng con bò của anh V. Khi thỏa thuận mua bán bò do chỉ mới đặt cọc nên anh V là người trực tiếp chăm sóc bò, sau 05 ngày bắt bò thì trả hết tiền. Do sợ anh V không chăm sóc tốt cho bò, bỏ đói bò nên ông mới vô thăm, thấy bò bệnh nên ông trực tiếp kêu thú y là ông C vô chích. Lúc đó ông không có điện thoại báo cho anh V biết vì không có số điện thoại, ông có gặp ông T là chú của anh V. Ở ấp T có hòa giải cho anh V và ông vào năm 2022. Anh V thừa nhận có nhận của ông 8.500.000 đồng. Ông không có lỗi gì trong vụ kiện này. Trong vụ kiện này anh V là người có lỗi.

Bị đơn anh Phạm Văn V trình bày:

Anh không đồng ý theo yêu cầu của ông H vì anh không có lỗi trong việc mua bán bò này.

Anh không nhớ rõ ngày thỏa thuận mua bán bò, anh chỉ nhớ khoảng tháng 3/2019 al anh và ông H có thỏa thuận việc mua bán bò này. Khi thỏa thuận, không có làm giấy tờ gì, chỉ nói miệng thỏa thuận anh bán con bò giá 17.500.000 đồng và ông H đặt cọc cho anh 7.500.000 đồng. Hai bên thỏa thuận khi ông H bắt bò thì chồng đủ tiền. Sau khi thỏa thuận xong, ông H đưa trước cho anh 7.500.000 đồng khi nào bắt bò thì trả đủ tiền. Ông H nói 05 ngày sau bắt bò. Lúc thỏa thuận mua bán thì con bò anh kêu bán khoảng 250kg hơi. Bò lúc đó bỏ ăn, không xác định được bệnh gì. Khi anh bán có nói cho ông H biết về tình trạng bệnh của bò, nếu bò khỏe mạnh thì anh có thể bán được khoảng 30 mấy đến 40 triệu đồng. Ngày nào ông H cũng đến thăm bò, cho bò ăn, cho bò uống nước. Ba ngày sau thì ông H kêu thú y đến chích thuốc. Khi ông H kêu thú y chích gia đình anh không cho chích

nhưng ông H quyết tâm chích, thú y chích thuốc cho bò buổi chiều thì tối bò chết, gia đình không hay, tối đó ông H có lên thăm. Khoảng 3,4 giờ sáng thì gia đình điện thoại báo cho anh biết thấy bò đã chết, anh có điện thoại cho ông H nhiều lần nhưng ông H không bắt máy, kêu người đi kiếm không gặp nên khoảng 5,6 giờ sáng anh kêu gia đình là chú của anh là Phạm Văn T ở ấp G, xã H, và 01 người hàng xóm làm thịt bò, xả ra đem cho cá ăn. Người hàng xóm không biết là ai lý do ông chú Phạm Văn T kêu dùm. Con bò mà anh bán cho ông H anh để ở nhà của chú T ở ấp G, xã H, con bò đó của anh mua của người ta mấy ngày thì về kêu bán lại cho ông Hải. Anh thỏa thuận sau khi lấy tiền cọc thì ông H là người trực tiếp chăm sóc bò. Ấp T có hòa giải cho anh và ông H vào năm 2022. Biên bản hòa giải do bà Nguyễn Thị L trưởng ấp chủ trì hòa giải. biên bản ông H nộp là đúng biên bản anh ký tên. Trong biên bản ghi anh có nhận 8.500.000 đồng tiền cọc nhưng anh không có ý kiến là vì lúc đó anh quên, lâu quá không nhớ rõ nay anh nhớ chính xác là anh nhận tiền cọc 7.500.000 đồng. Khi thỏa thuận mua bán bò không có ai biết, chỉ có anh và ông H. Ông H nói có em hay cháu gì của anh là không đúng, lúc đó không có ai. Anh không có lỗi gì trong vụ kiện này. Trong vụ kiện này ông H là người có lỗi.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: tuân thủ đúng theo qui định pháp luật tố tụng; Nguyên đơn, bị đơn chấp hành không đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các điều 26, 35, 39, 92 BLTTDS năm 2015, Điều 328, 332, 430 BLDS năm 2015; Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh Phạm Văn V phải hoàn trả cho ông Bùi Văn H ½ số tiền cọc đã nhận là 4.250.000 đồng, không tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nội dung vụ án Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của các đương sự đối với vụ án này là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản được quy định tại Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân. Bị đơn anh Phạm Văn V có nơi cư trú tại xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất hai bên có thỏa thuận mua bán con bò của anh Phạm Văn V. Đây là sự thật không cần phải chứng minh theo qui định tại điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, nguyên đơn cho rằng hai bên thỏa thuận mua bán con bò của anh V giá 18.500.000 đồng và ông đã đặt cọc cho anh V 8.500.000 đồng. Bị đơn cho rằng hai bên thỏa thuận mua bán con bò của anh V giá 17.500.000 đồng và anh V đã nhận của ông H 7.500.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại tòa anh V trình bày có nhận của ông H số tiền là 7.500.000 đồng. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải tại ấp được hai bên thừa nhận có ghi là anh V nhận của ông H 8.500.000 đồng. Như vậy, có cơ sở chứng minh anh V có nhận của ông H 8.500.000 đồng như nguyên đơn trình bày. Ông H cho rằng sau khi thỏa thuận mua bán bò với anh V thì ông đưa trước 8.500.000 đồng (đặt cọc), hẹn 5 ngày sau đến chở bò thì trả số tiền còn lại là 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, hai ngày sau khi thỏa thuận thì ông đến thăm và thấy bò bệnh nên ông kêu thợ thú y chích thuốc cho bò. Qua ngày thứ 3 thì ông biết bò chết. Ông biết bò bệnh nhưng tự ý kêu thú y chích thuốc cho bò, khi biết bò chết không gặp mặt hay liên lạc báo tin cho anh V để cùng nhau giải quyết con bò chết là chưa phù hợp. Đối với anh H khi thỏa thuận mua bán bò với ông H, anh biết rõ con bò bệnh, bò anh đang quản lý nhưng khi con bò chết anh không gặp mặt ông H để cùng nhau giải quyết con bò chết mà đem làm thịt con bò cho cá ăn là chưa phù hợp. Nên trường hợp này ông H và anh V đều có lỗi trong việc xử lý con bò bị bệnh chết. Tại khoản 2 Điều 238 Bộ luật dân sự năm 2015 qui định "Trường hợp hợp đồng được giao kết, thực hiện thì tài sản đặt cọc được trả lại cho bên đặt cọc hoặc được trừ để thực hiện nghĩa vụ trả tiền; nếu bên đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì tài sản đặt cọc thuộc về bên nhận đặt cọc; nếu bên nhận đặt cọc từ chối viêc giao kết thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đạ đặt cọc trừ trường hợp có thỏa thuận khác". Trong trường hợp này không ai vi phạm hợp đồng mua bán mà do điều kiện khách quan là chưa đến ngày thực hiện hợp đồng thì con bò chết nên mới không tiếp tục thực hiện hợp đồng. Nên Hội đồng xét xử xác định mỗi bên chịu một phần rủi ro là mỗi người chịu ½, anh V đã nhận của ông H 8.500.000 đồng tiền cọc nên anh V phải có nghĩa vụ trả cho ông H 4.250.000 đồng là phù hợp. Việc ông H không yêu cầu tính lãi là sự tự nguyện của ông nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng. Nguyên đơn là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 328, 332, 430 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn H.

Buộc anh Phạm Văn V phải hoàn trả cho ông Bùi Văn H số tiền đặt cọc mua bán bò là 4.250.000 (Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Bùi Văn H được miễn nộp tiền án phí.

Anh Phạm Văn V phải nộp án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- *TAND Bến Tre (01b);*
- *VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (02b);*
- *Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc(01b);*
- *Đương sự (02b);*
- *Lưu HS, VP (03b).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Uyên